

BỘ NỘI VỤ
Số: 909/QĐ-BNV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 11 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) Hội Kỹ thuật Nổ mìn Việt Nam

BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ

Căn cứ Luật quy định quyền lập hội ngày 20 tháng 5 năm 1957;

Căn cứ Nghị định số 63/2022/NĐ-CP ngày 12 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;

Căn cứ Nghị định số 126/2024/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội;

Theo đề nghị của Chủ tịch Hội Kỹ thuật Nổ mìn Việt Nam và Vụ trưởng Vụ Tổ chức phi chính phủ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) Hội Kỹ thuật Nổ mìn Việt Nam đã được Đại hội đại biểu nhiệm kỳ II (2024 - 2029) của Hội Kỹ thuật Nổ mìn Việt Nam thông qua ngày 11 tháng 8 năm 2024 tại Hà Nội.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chủ tịch Hội Kỹ thuật Nổ mìn Việt Nam, Vụ trưởng Vụ Tổ chức phi chính phủ và Chánh Văn phòng Bộ Nội vụ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /...
x

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng Bộ Nội vụ (để báo cáo);
- Thứ trưởng Vũ Chiến Thắng;
- Bộ Công Thương;
- Bộ Công an; C06 (để p/h);
- Lưu: VT, Vụ TCPCP, NTTM (3).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Vũ Chiến Thắng

ĐIỀU LỆ (SỬA ĐỔI, BỔ SUNG)**HỘI KỸ THUẬT NỔ Mìn VIỆT NAM**

*(Kèm theo Quyết định số: 909/QĐ-BNV ngày 11 tháng 12 năm 2024
của Bộ trưởng Bộ Nội vụ)*

Chương I**QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Tên gọi, biểu tượng**

- Tên tiếng Việt: Hội Kỹ thuật nổ mìn Việt Nam.
- Tên tiếng Anh: Vietnam Blasting Engineering Association.
- Tên viết tắt tiếng Anh: VBEA.
- Biểu tượng: Hội Kỹ thuật nổ mìn Việt Nam có biểu tượng riêng, được đăng ký bản quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Tôn chỉ, mục đích

Hội Kỹ thuật nổ mìn Việt Nam (sau đây gọi tắt là Hội) là tổ chức xã hội - nghề nghiệp của các tổ chức, công dân Việt Nam tự nguyện thành lập, hoạt động trong các lĩnh vực liên quan đến nổ mìn và vật liệu nổ công nghiệp để phá vỡ đất đá, khoáng sản trong khai thác mỏ và xây dựng công trình theo quy định của pháp luật, nhằm mục đích tập hợp, đoàn kết hội viên, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của hội viên, hỗ trợ nhau hoạt động có hiệu quả, góp phần vào việc phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Điều 3. Địa vị pháp lý, trụ sở

- Hội có tư cách pháp nhân, con dấu, tài khoản riêng; hoạt động theo quy định pháp luật Việt Nam và Điều lệ Hội được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.
- Trụ sở của Hội đặt tại Phòng 502, Nhà 12 tầng, Trường Đại học Mỏ-Địa chất, 18 phố Viên, phường Đức Thắng, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Hội được lập văn phòng đại diện tại các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo quy định của pháp luật.

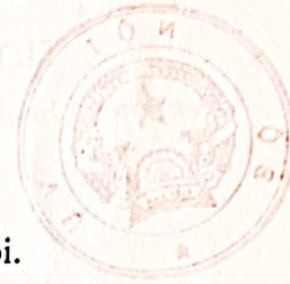
Điều 4. Phạm vi, lĩnh vực hoạt động

- Hội hoạt động trong phạm vi cả nước, về các lĩnh vực có liên quan đến nổ mìn và vật liệu nổ công nghiệp để phá vỡ đất đá, khoáng sản trong khai thác mỏ và xây dựng công trình theo quy định của pháp luật.

2. Hội chịu sự quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ; sự quản lý chuyên ngành của Bộ Công Thương về lĩnh vực chính của Hội và các Bộ, ngành có liên quan đến lĩnh vực Hội hoạt động theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Nguyên tắc tổ chức, hoạt động

1. Tự nguyện, tự quản.
2. Dân chủ, bình đẳng, công khai, minh bạch.
3. Tự bảo đảm kinh phí hoạt động.
4. Không vì mục đích lợi nhuận.
5. Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ Hội.



Chương II

QUYỀN HẠN, NGHĨA VỤ VÀ TRÁCH NHIỆM

Điều 6. Quyền hạn của Hội

1. Tổ chức, hoạt động theo Điều lệ Hội đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật.

2. Tuyên truyền tôn chỉ, mục đích hoạt động của Hội. Được cung cấp thông tin, phổ biến đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

3. Đại diện cho hội viên trong mối quan hệ đối nội, đối ngoại có liên quan đến quyền và nghĩa vụ của Hội.

4. Bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của Hội, hội viên và cộng đồng phù hợp với tôn chỉ, mục đích của Hội.

5. Tổ chức, phối hợp hoạt động giữa các hội viên vì lợi ích chung của Hội.

6. Phổ biến, bồi dưỡng kiến thức cho hội viên; cung cấp thông tin cần thiết cho hội viên theo quy định của pháp luật.

7. Tham gia các chương trình, dự án, đề tài, nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, các hoạt động tư vấn, phản biện chính sách theo đề nghị của cơ quan nhà nước; tham gia cung cấp dịch vụ công, tổ chức dạy nghề, truyền nghề theo quy định của pháp luật.

8. Hội hoạt động trong phạm vi toàn quốc hoặc liên tỉnh được đặt chi nhánh hoặc văn phòng đại diện tại tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác với nơi đặt trụ sở của Hội theo quy định tại khoản 1 Điều 25 Nghị định số 126/2024/NĐ-CP và có thể đặt văn phòng đại diện tại nước ngoài theo quy định của pháp luật.

9. Thành lập và quản lý chặt chẽ tổ chức thuộc Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội phù hợp với tôn chỉ, mục đích và lĩnh vực hoạt động của Hội.

10. Được tham gia ý kiến trong xây dựng cơ chế, chính sách liên quan trực tiếp đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và lĩnh vực hoạt động của Hội. Kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với các vấn đề liên quan tới sự phát triển hội và lĩnh vực Hội hoạt động. Được tham gia tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, tổ chức các hoạt động dịch vụ khác theo quy định của pháp luật và được cấp chứng chỉ hành

nghề, chứng chỉ năng lực, chứng chỉ khác liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.

11. Phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan để thực hiện nhiệm vụ của Hội.

12. Thu hội phí của hội viên và hoạt động tạo nguồn thu từ kinh doanh, dịch vụ theo quy định của pháp luật để tự trang trải về kinh phí hoạt động.

13. Được tiếp nhận, quản lý và sử dụng các nguồn tài trợ, viện trợ hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật, gắn với tôn chỉ, mục đích hoạt động, chức năng, nhiệm vụ của Hội.

14. Được Nhà nước hỗ trợ kinh phí đối với những hoạt động gắn với nhiệm vụ do Đảng, Nhà nước giao (nếu có).

15. Hội hoạt động trong phạm vi toàn quốc hoặc liên tỉnh được gia nhập các tổ chức quốc tế tương ứng và ký kết, thực hiện thỏa thuận quốc tế theo quy định của pháp luật sau khi có ý kiến thống nhất của cấp có thẩm quyền và các cơ quan quản lý nhà nước khác có liên quan về việc gia nhập tổ chức quốc tế tương ứng, ký kết, thực hiện thỏa thuận quốc tế.

16. Khen thưởng, kỷ luật theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

17. Hòa giải tranh chấp, giải quyết phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo liên quan đến Hội.

18. Quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Nghĩa vụ, trách nhiệm của Hội

1. Chấp hành quy định của cơ quan có thẩm quyền và quy định của pháp luật có liên quan đến tổ chức, hoạt động của Hội và Điều lệ Hội.

2. Không được lợi dụng hoạt động của Hội để làm phương hại đến an ninh quốc gia, trật tự xã hội, đạo đức, thuần phong mỹ tục, truyền thống, bản sắc văn hoá dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân; lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để thực hiện các hoạt động mê tín, dị đoan; hoạt động tài chính, kinh doanh trái phép làm rối loạn thị trường trong nước.

3. Không công nhận, vinh danh, suy tôn, phong tặng các danh hiệu trái quy định của pháp luật.

4. Hội hoạt động thuộc lĩnh vực nào phải chịu sự quản lý nhà nước của cơ quan quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực đó và các cơ quan có liên quan trong quá trình tổ chức và hoạt động theo quy định tại Điều 43, Điều 44, Điều 45, Điều 46, Điều 47, Điều 48, Điều 49 và Điều 50 Nghị định số 126/2024/NĐ-CP.

5. Tập hợp, phát triển hội viên; tổ chức, phối hợp hoạt động giữa các hội viên vì lợi ích chung của Hội và thực hiện đúng tôn chỉ, mục đích hoạt động của Hội.

6. Tuyên truyền, phổ biến chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước liên quan đến lĩnh vực Hội hoạt động, Điều lệ Hội, quy chế, quy định của Hội và bồi dưỡng, cập nhật kiến thức tới hội viên.

7. Đề xuất sửa đổi, bổ sung Điều lệ; quản lý chặt chẽ hoạt động của tổ chức thuộc Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ; xây dựng, hoàn thiện các quy chế, quy định của Hội để làm cơ sở cho Hội tổ chức, hoạt động phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

8. Tuân thủ các quy định về tiếp nhận, quản lý và sử dụng viện trợ nước ngoài và các quy định pháp luật khác có liên quan; quản lý, sử dụng có hiệu quả các nguồn tài trợ, viện trợ và chịu trách nhiệm là chủ khoản viện trợ theo quy định của pháp luật.

9. Báo cáo hồ sơ tổ chức đại hội theo quy định tại khoản 7 Điều 19 Nghị định số 126/2024/NĐ-CP.

10. Sau khi miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay đổi chức vụ Chủ tịch, Phó chủ tịch, Tổng thư ký, thành viên Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Ban Kiểm tra, thay đổi trụ sở, sửa đổi, bổ sung Điều lệ, Hội phải báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 15 Nghị định số 126/2024/NĐ-CP và cơ quan quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực chính mà Hội hoạt động tương ứng với phạm vi hoạt động của Hội.

11. Báo cáo việc thành lập các tổ chức thuộc Hội với cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 15 Nghị định số 126/2024/NĐ-CP, cơ quan quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực chính mà hội hoạt động tương ứng với phạm vi hoạt động của Hội và chịu trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý trực tiếp, toàn diện tổ chức, hoạt động của các tổ chức này theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

12. Hàng năm, Hội phải báo cáo tình hình tổ chức, hoạt động của Hội với cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 15 Nghị định số 126/2024/NĐ-CP, cơ quan quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực chính mà Hội hoạt động tương ứng với phạm vi hoạt động của Hội và báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi Hội có phạm vi hoạt động toàn quốc hoặc liên tỉnh đặt trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện trước ngày 31 tháng 12. Báo cáo định kỳ hàng năm thực hiện theo Mẫu số 16 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 126/2024/NĐ-CP.

13. Báo cáo kết quả giải quyết tranh chấp, đơn, thư phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo liên quan đến Hội với cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

14. Chấp hành sự hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc tuân thủ pháp luật và Điều lệ Hội.

15. Lập và lưu giữ tại trụ sở Hội danh sách hội viên, tổ chức thuộc Hội, sổ sách, chứng từ về tài sản, tài chính của Hội, biên bản các cuộc họp Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Ban Kiểm tra Hội.

16. Kinh phí thu được theo quy định tại khoản 12, khoản 13, khoản 14 Điều 23 Nghị định số 126 phải dành cho hoạt động Hội theo quy định của Điều lệ Hội, không được chia cho hội viên.

17. Việc sử dụng kinh phí của Hội phải chấp hành quy định của pháp luật và Điều lệ Hội đảm bảo công khai, minh bạch; nộp thuế, phí, lệ phí và thực hiện chế độ

kế toán, kiểm toán, thống kê theo quy định của pháp luật; phải đăng ký mã số thuế và kê khai thuế theo quy định của pháp luật về thuế. Hàng năm, Hội báo cáo quyết toán tài chính theo quy định của Nhà nước gửi cơ quan tài chính cùng cấp, cơ quan quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực chính mà Hội hoạt động và cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 15 Nghị định số 126/2024/NĐ-CP tương ứng với phạm vi hoạt động của Hội. Chịu sự thanh tra, kiểm tra về việc thu, chi, quản lý và sử dụng tài chính, tài sản của cơ quan tài chính cùng cấp với cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép thành lập Hội hoặc cơ quan tài chính của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép thành lập Hội.

18. Ban hành các quy chế về hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Ban Kiểm tra Hội; quản lý, sử dụng tài sản, tài chính của Hội; khen thưởng, kỷ luật; quản lý hội viên; giải quyết kiến nghị, phản ánh, tranh chấp, khiếu nại, tố cáo liên quan đến Hội; quản lý và sử dụng con dấu của Hội và các quy định khác phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

19. Xây dựng và ban hành quy tắc đạo đức nghề nghiệp trong hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật.

20. Cập nhật tình hình tổ chức, hoạt động của Hội vào cơ sở dữ liệu về hội và phối hợp xây dựng, vận hành cơ sở dữ liệu về hội.

21. Thực hiện các quy định của pháp luật về phòng chống tham nhũng, phòng chống rửa tiền, tài trợ khủng bố.

22. Nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Chương III

HỘI VIÊN

Điều 8. Hội viên, tiêu chuẩn hội viên

1. Hội viên của Hội gồm hội viên chính thức, hội viên liên kết và hội viên danh dự:

a) Hội viên chính thức của Hội gồm hội viên cá nhân và hội viên tổ chức:

- Hội viên cá nhân: Công dân Việt Nam hoạt động trong các lĩnh vực có liên quan đến nông nghiệp và vật liệu nông nghiệp để phá vỡ đất đá, khoáng sản trong khai thác mỏ và xây dựng công trình; có đủ tiêu chuẩn quy định tại Khoản 2 Điều này, tán thành Điều lệ Hội, có đơn tự nguyện, đóng hội phí, đủ điều kiện gia nhập thì được Ban Thường vụ Hội xem xét, công nhận là hội viên chính thức của Hội.

- Hội viên tổ chức/tập thể: Tổ chức có pháp nhân của Việt Nam được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam trong các lĩnh vực có liên quan đến nông nghiệp và vật liệu nông nghiệp để phá vỡ đất đá, khoáng sản trong khai thác mỏ và xây dựng công trình; có đủ tiêu chuẩn quy định tại Khoản 2 Điều này, tán thành Điều lệ Hội, có đơn tự nguyện, đóng hội phí, đủ điều kiện gia nhập thì được Ban Thường vụ Hội xem xét, công nhận là hội viên chính thức của Hội.

b) Hội viên liên kết: Công dân, tổ chức của Việt Nam bao gồm các doanh nghiệp liên doanh và doanh nghiệp có 100% vốn đầu tư nước ngoài (gọi chung là

doanh nghiệp có yếu tố nước ngoài) hoạt động hợp pháp tại Việt Nam chưa có đủ điều kiện, tiêu chuẩn là hội viên chính thức nhưng có đóng góp cho sự phát triển của Hội, tán thành Điều lệ Hội, có nguyện vọng, tự nguyện gia nhập thì được Ban Thường vụ Hội xem xét, công nhận là hội viên liên kết.

c) Hội viên danh dự: Công dân, tổ chức Việt Nam không có điều kiện hoặc chưa đủ tiêu chuẩn là hội viên chính thức và hội viên liên kết nhưng có uy tín, kinh nghiệm và công lao, đóng góp tích cực đối với sự phát triển của Hội, tán thành Điều lệ Hội, tự nguyện gia nhập thì được Ban Thường vụ Hội xem xét, công nhận là hội viên danh dự của Hội.

2. Tiêu chuẩn hội viên chính thức:

a) Hội viên cá nhân: Công dân Việt Nam đủ 18 trở lên, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, không bị truy tố, xét xử hoặc đang chấp hành án hình sự, có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp đã và đang hoạt động trong các lĩnh vực có liên quan đến nổ mìn và vật liệu nổ công nghiệp để phá vỡ đất đá, khoáng sản trong khai thác mỏ và xây dựng công trình theo quy định của pháp luật, có đủ điều kiện tham gia các hoạt động thường xuyên của Hội, tự nguyện viết đơn xin gia nhập Hội (theo mẫu Hội quy định).

b) Hội viên tổ chức: Tổ chức Việt Nam có tư cách pháp nhân của Việt Nam được thành lập theo pháp luật Việt Nam, hoạt động trong các lĩnh vực có liên quan đến nổ mìn và vật liệu nổ công nghiệp để phá vỡ đất đá, khoáng sản trong khai thác mỏ và xây dựng công trình theo quy định của pháp luật có đủ điều kiện tham gia các hoạt động thường xuyên của Hội, tự nguyện viết đơn xin gia nhập Hội (theo mẫu Hội quy định kèm theo bản sao giấy phép thành lập, quyết định thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và có văn bản cử người đại diện tham gia Hội).

c) Mỗi tổ chức là hội viên chính thức cử tối đa 03 (ba) người đại diện là công dân Việt Nam làm đầu mối tham gia các hoạt động của Hội. Người đại diện phải đang làm việc chính thức tại tổ chức có tư cách pháp nhân đó. Người đại diện phải có đủ thẩm quyền quyết định những vấn đề liên quan đến hoạt động của đơn vị mình phụ trách.

Điều 9. Quyền của hội viên

1. Được Hội bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp theo quy định của pháp luật.
2. Được Hội cung cấp thông tin liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội, được tham gia các hoạt động do Hội tổ chức.
3. Được tham gia thảo luận, quyết định các chủ trương công tác của Hội; được kiến nghị, đề xuất ý kiến với cơ quan có thẩm quyền về những vấn đề có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật.
4. Hội viên chính thức được dự Đại hội, ứng cử, đề cử, bầu cử các cơ quan, các chức danh lãnh đạo Hội, Ban Chấp hành và Ban Kiểm tra Hội theo Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.
5. Được giới thiệu hội viên mới.

6. Được khen thưởng theo quy định của Hội.

7. Được cấp thẻ hội viên.

8. Được ra khỏi Hội khi xét thấy không thể tiếp tục là hội viên.

9. Hội viên liên kết, hội viên danh dự được hưởng quyền và nghĩa vụ như hội viên chính thức, trừ quyền biểu quyết các vấn đề của Hội và trừ quyền đề cử, bầu cử và ứng cử vào Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra Hội.

Điều 10. Nghĩa vụ của hội viên

1. Nghiêm chỉnh chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; chấp hành Điều lệ, các quy chế, quy định của Hội; thực hiện tôn chỉ, mục đích và các chủ trương, nghị quyết của Hội.

2. Tham gia các hoạt động và sinh hoạt của Hội; đoàn kết, hợp tác với các hội viên khác để xây dựng Hội phát triển vững mạnh.

3. Bảo vệ uy tín của Hội, không được nhân danh Hội trong các quan hệ giao dịch, trừ khi được lãnh đạo Hội phân công bằng văn bản.

4. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định của Hội.

5. Đóng hội phí đầy đủ và đúng hạn theo quy định của Hội.

6. Phải bàn giao lại công việc và tài chính, tài sản, có liên quan khi không còn hoạt động ở Hội (nếu có).

Điều 11. Thủ tục, thẩm quyền kết nạp hội viên; thủ tục ra khỏi Hội

1. Thủ tục, thẩm quyền kết nạp hội viên

a) Điều kiện và hồ sơ gia nhập: Công dân, pháp nhân Việt Nam có đủ điều kiện theo quy định tại Điều 8 Điều lệ này, có nguyện vọng gia nhập Hội gửi Đơn tới Văn phòng Hội kèm theo hồ sơ gồm:

- Đối với cá nhân: Bản sao Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu còn thời hạn; Đơn xin gia nhập Hội theo mẫu do Hội quy định; 01 ảnh thẻ;

- Đối với tổ chức: Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (đối với doanh nghiệp); Quyết định thành lập đối với pháp nhân; Đơn xin gia nhập Hội của tổ chức theo mẫu do Hội quy định; 01 ảnh của người đại diện tổ chức được cử tham gia Hội;

b) Văn phòng Hội xem xét hồ sơ xin gia nhập Hội sau khi tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ xin gia nhập Hội theo Điều lệ Hội. Ban Thường vụ Hội xem xét, kết nạp hội viên tại kỳ họp gần nhất theo Điều lệ Hội, quy chế làm việc, đề nghị Chủ tịch Hội quyết định công nhận hội viên. Danh sách hội viên được lập và quản lý theo quy định, công bố công khai trên Website của Hội;

c) Trong vòng 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn của tổ chức, cá nhân gia nhập Hội, Ban Thường vụ xem xét, quyết định việc kết nạp hội viên, hội viên đóng hội phí theo quy định và được cấp thẻ hội viên. Căn cứ nghị quyết của Ban Thường vụ, Chủ tịch Hội quyết định kết nạp hội viên;

d) Việc công bố hội viên mới được tiến hành tại hội nghị Ban Chấp hành, Ban Thường vụ của Hội hoặc thông báo bằng văn bản.

2. Thủ tục xin ra khỏi Hội

a) Hội viên tự nguyện ra khỏi Hội làm đơn gửi Ban Thường vụ (thông qua Văn phòng Hội). Trong vòng 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đơn của tổ chức, cá nhân và đã bàn giao hoàn tất công việc của Hội (nếu có), Ban Thường vụ xem xét đồng ý. Căn cứ vào nghị quyết của Ban Thường vụ, Chủ tịch Hội quyết định chấm dứt tư cách hội viên và thông báo bằng văn bản đến hội viên của Hội và Ban Chấp hành;

b) Hội viên bị chấm dứt tư cách hội viên trong các trường hợp sau:

- Vi phạm pháp luật gây hậu quả nghiêm trọng hoặc vi phạm Điều lệ và các quy định của Hội làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến uy tín, hoạt động của Hội.

- Hội viên tổ chức tự ngừng hoạt động, bị đình chỉ hoạt động.

- Hội viên tổ chức có 02 (hai) năm liên tục không đóng hội phí (không có lý do chính đáng).

- Hội viên tổ chức bị phá sản, bị giải thể theo quy định của pháp luật.

- Hội viên cá nhân bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo bản án có hiệu lực thi hành của Tòa án, bị tước quyền công dân theo quy định của pháp luật.

- Hội viên cá nhân mất năng lực hành vi dân sự, bị mất tích theo quy định của pháp luật, bị chết.

c) Trước khi ra khỏi Hội, hội viên phải bàn giao công việc, tài sản, tài chính mà mình phụ trách, đang thực hiện (nếu có) cho Hội.

d) Hội viên bị chấm dứt tư cách hội viên có quyền khiếu nại gửi Ban Chấp hành và Đại hội của Hội. Quyết định của Đại hội là quyết định cuối cùng.

3. Ban Chấp hành ban hành Quy chế quy định cụ thể về kết nạp hội viên, cho hội viên ra khỏi Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Chương IV

TỔ CHỨC, HOẠT ĐỘNG

Điều 12. Cơ cấu tổ chức của Hội

1. Đại hội.
2. Ban Chấp hành.
3. Ban Thường vụ.
4. Ban Kiểm tra.
5. Văn phòng Hội, văn phòng đại diện, các ban chuyên môn.
6. Các tổ chức trực thuộc Hội được thành lập theo quy định của pháp luật.

Điều 13. Đại hội

1. Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Hội là Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường. Đại hội được tổ chức 5 (năm) năm một lần. Đại hội bất thường được triệu tập khi có ít nhất 2/3 (hai phần ba) tổng số ủy viên Ban Chấp hành hoặc có ít nhất 1/2 (một phần hai) tổng số hội viên chính thức đề nghị.

2. Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường được tổ chức dưới hình thức Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu. Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu được tổ chức khi có trên 1/2 (một phần hai) số hội viên chính thức hoặc có trên 1/2 (một phần hai) số đại biểu chính thức có mặt.

3. Nhiệm vụ của Đại hội:

a) Báo cáo số lượng đại biểu tham dự Đại hội và báo cáo thẩm tra tư cách đại biểu tham dự Đại hội;

b) Thông qua chương trình Đại hội, quy chế Đại hội, quy chế bầu cử;

c) Thảo luận, thông qua Báo cáo tổng kết nhiệm kỳ và phương hướng hoạt động nhiệm kỳ tiếp theo của Hội; Báo cáo kiểm điểm của Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra; Báo cáo tài chính của Hội;

d) Thông qua điều lệ Hội hoặc thảo luận đổi tên Hội (nếu có); thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội hoặc tiếp tục sử dụng Điều lệ hiện hành;

đ) Chia tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể (nếu có);

e) Thông qua đề án nhân sự Đại hội; biểu quyết số lượng thành viên Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra cho cả nhiệm kỳ của Hội; đề cử, ứng cử vào danh sách Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra Hội;

g) Bầu Ban Chấp hành và Ban Kiểm tra Hội;

đ) Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ Hội (nếu có);

e) Thông qua nghị quyết Đại hội.

4. Nguyên tắc biểu quyết tại Đại hội:

a) Đại hội có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Đại hội quyết định;

b) Việc biểu quyết thông qua các quyết định của Đại hội phải được quá 1/2 (một phần hai) đại biểu chính thức được triệu tập có mặt tại Đại hội tán thành.

Điều 14. Ban Chấp hành Hội

1. Ban Chấp hành Hội là cơ quan lãnh đạo giữa 02 kỳ Đại hội do Đại hội bầu trong số các hội viên chính thức của Hội. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn, điều kiện, sức khỏe, độ tuổi của ủy viên Ban Chấp hành do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Chấp hành cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Chấp hành:

a) Tổ chức triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội, Điều lệ Hội, lãnh đạo mọi hoạt động của Hội giữa hai kỳ Đại hội;

b) Chuẩn bị và quyết định triệu tập Đại hội;

c) Quyết định chương trình, kế hoạch công tác hàng năm của Hội;

d) Quyết định cơ cấu tổ chức bộ máy của Hội. Ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Ban Kiểm tra; Quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội; Quy chế quản lý, sử dụng con dấu của Hội; Quy chế khen thưởng, kỷ luật; Quy chế giải quyết kiến nghị, phản ánh, tranh chấp, khiếu nại, tố cáo; Quy chế quản lý hội viên; Quy tắc đạo đức trong hoạt động của hội, các quy chế khác và quy định trong nội bộ Hội phù hợp với quy định của Điều lệ Hội và quy định của pháp luật;

đ) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, tạm đình chỉ công tác và cho phép công tác trở lại đối với Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, ủy viên Ban Thường vụ, ủy viên Ban Chấp hành, Trưởng Ban, Phó Trưởng Ban, ủy viên Ban Kiểm tra; bầu bổ sung ủy viên Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra. Số ủy viên Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra bầu bổ sung không được quá số lượng thành viên Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra Hội đã được Đại hội quyết định. Tổng số thành viên Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra (kể cả ủy viên Ban Chấp hành, Ban kiểm tra được bổ sung) không vượt quá số lượng thành viên Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra đã được Đại hội biểu quyết thông qua;

e) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của Điều lệ Hội.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Chấp hành:

a) Ban Chấp hành hoạt động theo Quy chế của Ban Chấp hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội;

b) Ban Chấp hành mỗi năm họp 02 (hai) lần, có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Ban Thường vụ hoặc trên 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên Ban Chấp hành. Ban Chấp hành có thể tổ chức họp trực tiếp hoặc qua nền tảng ứng dụng trực tuyến hoặc kết hợp cả hai hình thức trực tiếp và trực tuyến do Ban Chấp hành quyết định;

c) Các cuộc họp của Ban Chấp hành là họp lệ khi có trên 1/2 (một phần hai) thành viên Ban Chấp hành tham gia dự họp. Ban Chấp hành có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Chấp hành quyết định;

d) Các nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành được thông qua khi có trên 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên Ban Chấp hành biểu quyết tán thành.

đ) Giữa hai kỳ họp, Ban Chấp hành có thể biểu quyết hoặc quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Ban Chấp hành thông qua việc lấy ý kiến Ban Chấp hành bằng văn bản.

Điều 15. Ban Thường vụ Hội

1. Ban Thường vụ Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Chấp hành; Ban Thường vụ Hội gồm: Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và các ủy viên. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Thường vụ do Ban Chấp hành quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Thường vụ trùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Thường vụ:

a) Giúp Ban Chấp hành triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội, Điều lệ Hội; tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành; lãnh đạo hoạt động của Hội giữa hai kỳ họp Ban Chấp hành;

b) Chuẩn bị nội dung và quyết định triệu tập họp Ban Chấp hành;

c) Quyết định thành lập các tổ chức, đơn vị trực thuộc Hội theo nghị quyết của Ban Chấp hành; quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn cơ cấu tổ chức; quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm lãnh đạo các tổ chức, đơn vị trực thuộc Hội.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Thường vụ:

a) Ban Thường vụ hoạt động theo Quy chế do Ban Chấp hành ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội;

b) Ban Thường vụ 3 (ba) tháng họp 1 lần, có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Chủ tịch Hội hoặc trên 1/2 (một phần hai) tổng số ủy viên Ban Thường vụ; Ban Thường vụ có thể tổ chức họp trực tiếp hoặc qua nền tảng ứng dụng trực tuyến hoặc kết hợp cả hai hình thức trực tiếp và trực tuyến do Ban Thường vụ quyết định;

c) Các cuộc họp của Ban Thường vụ là họp lệ khi có trên 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên Ban Thường vụ tham gia dự họp. Ban Thường vụ có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Thường vụ quyết định;

d) Các nghị quyết, quyết định của Ban Thường vụ được thông qua khi có 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên Ban Thường vụ biểu quyết tán thành.

đ) Giữa hai kỳ họp, Ban Thường vụ có thể biểu quyết hoặc quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Ban Thường vụ thông qua việc lấy ý kiến thành viên bằng văn bản.

Điều 16. Ban Kiểm tra Hội

1. Ban Kiểm tra Hội do Đại hội bầu trong số các hội viên chính thức của Hội. Ban Kiểm tra gồm Trưởng ban, Phó Trưởng ban và một số ủy viên. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn thành viên Ban Kiểm tra do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm tra cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Ban Kiểm tra họp mỗi năm 01 (một) lần; có thể họp bất thường theo yêu cầu của Trưởng ban hoặc 2/3 (hai phần ba) tổng số ủy viên Ban Kiểm tra.

3. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm tra

a) Bầu, miễn nhiệm Trưởng ban, Phó Trưởng ban; bổ sung, miễn nhiệm ủy viên Ban Kiểm tra;

b) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Điều lệ Hội, nghị quyết Đại hội; nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ; các quy chế của Hội trong hoạt động của các tổ chức, đơn vị trực thuộc Hội và hội viên;

c) Xem xét, xử lý đơn, thư, phản ánh, kiến nghị, tranh chấp, khiếu nại, tố cáo của tổ chức, hội viên và công dân liên quan tới tổ chức Hội, hội viên, các tổ chức

thuộc Hội đã được quy định trong Quy chế giải quyết phản ánh, kiến nghị, tranh chấp, khiếu nại tố cáo của Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội. Tổng hợp, đề nghị Ban Thường vụ, Ban Chấp hành xem xét, giải quyết đơn phản ánh, kiến nghị, tranh chấp, khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền của Ban Thường vụ, Ban Chấp hành. Trường hợp không giải quyết được thì chuyển Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

4. Nguyên tắc hoạt động của Ban Kiểm tra: Ban Kiểm tra hoạt động độc lập với Ban Chấp hành, hoạt động theo quy chế của Ban Kiểm tra do Ban Chấp hành Hội ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội. Giữa hai kỳ họp, Ban Kiểm tra có thể biểu quyết hoặc quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Ban Kiểm tra thông qua việc lấy ý kiến thành viên bằng văn bản.

5. Trong quá trình hoạt động, nếu khuyết Trưởng ban, Phó Trưởng ban Kiểm tra thì Ban Chấp hành Hội xem xét bầu bổ sung hoặc thay thế.

Điều 17. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội

1. Chủ tịch Hội là đại diện pháp nhân của Hội trước pháp luật, chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hoạt động của Hội. Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Thường vụ.

2. Tiêu chuẩn, điều kiện Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành Hội quy định phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

a) Tiêu chuẩn:

- Chấp hành và thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước;

- Có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt; Có quốc tịch Việt Nam;

- Có uy tín và hiểu biết về lĩnh vực hội hoạt động;

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không có án tích;

b) Điều kiện:

- Không giữ chức danh Chủ tịch quá 02 Hội;

- Không phải là cán bộ, công chức trong các cơ quan, tổ chức trực tiếp quản lý hoặc tham mưu quản lý về lĩnh vực hoạt động chính của hội; trừ trường hợp được cấp có thẩm quyền đồng ý bằng văn bản theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ;

- Nhân sự dự kiến Chủ tịch Hội là cán bộ, công chức, viên chức hoặc là cán bộ, công chức, viên chức đã nghỉ hưu phải được cấp có thẩm quyền đồng ý bằng văn bản theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ;

e) Ban Chấp hành Hội quy định cụ thể tiêu chuẩn, điều kiện, độ tuổi, sức khỏe, nhiệm kỳ của Chủ tịch Hội trong Quy chế tổ chức hoạt động của Hội phù hợp với Điều lệ Hội và theo quy định của pháp luật.

3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội:

a) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội;

b) Chịu trách nhiệm toàn diện trước cơ quan có thẩm quyền cho phép thành lập Hội, cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực hoạt động chính của Hội, trước Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội về mọi hoạt động của Hội. Chỉ đạo, điều hành mọi hoạt động của Hội theo quy định Điều lệ Hội; nghị quyết Đại hội; nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội;

c) Chỉ đạo công tác chuẩn bị, triệu tập và chủ trì các phiên họp của Ban Chấp hành và Ban Thường vụ;

d) Thay mặt Ban Chấp hành, Ban Thường vụ ký các văn bản của Hội như: nghị quyết, quyết định, quy chế, quy định; quyết định thành lập đơn vị thuộc Hội; quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm cấp trưởng, cấp phó đơn vị thuộc Hội và các ban chuyên môn của Hội;

đ) Là chủ tài khoản của Hội theo Điều lệ Hội và quy định của pháp luật;

e) Khi Chủ tịch Hội không trực tiếp điều hành Hội trong thời gian vắng mặt, Ban Thường vụ Hội thống nhất, ban hành Nghị quyết việc chỉ đạo, điều hành giải quyết công việc của Hội, giao ủy quyền bằng văn bản cho một Phó Chủ tịch Hội theo Quy chế làm việc do Ban Chấp hành Hội quy định cụ thể theo Điều lệ Hội.

3. Phó Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Thường vụ Hội. Số lượng và tiêu chuẩn Phó Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành Hội quy định. Phó Chủ tịch giúp Chủ tịch Hội chỉ đạo, điều hành công tác của Hội theo sự phân công của Chủ tịch Hội; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội và pháp luật về lĩnh vực công việc được Chủ tịch Hội phân công hoặc ủy quyền. Phó Chủ tịch Hội thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy chế làm việc của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội phù hợp với Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

Ban Chấp hành Hội quy định cụ thể tiêu chuẩn, điều kiện, độ tuổi, sức khỏe, nhiệm kỳ của Phó Chủ tịch Hội trong Quy chế tổ chức hoạt động của Hội phù hợp với Điều lệ Hội và theo quy định của pháp luật.

4. Tùy theo tình hình thực tế, một Phó Chủ tịch có thể kiêm Tổng Thư ký (chức danh này đều phải bầu) và thực hiện các nhiệm vụ quy định đối với Phó Chủ tịch và Tổng Thư ký theo Điều lệ Hội.

5. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội:

a) Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội được miễn nhiệm trong các trường hợp: không đủ sức khỏe; không đủ năng lực và uy tín để hoàn thành nhiệm vụ; theo yêu cầu nhiệm vụ của cơ quan có thẩm quyền; nhân sự có đơn xin từ chức vì lý do cá nhân;

b) Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội bị bãi nhiệm khi có kết luận của cấp có thẩm quyền về việc Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội vi phạm pháp luật, Điều lệ Hội làm ảnh hưởng đến uy tín, hoạt động của Hội hoặc bị Tòa án kết án có tội;

c) Khi miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội phải đồng thời bầu Chủ tịch khác để thay thế theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội hoặc phân công người điều hành hoạt động của Hội trong thời gian chưa bầu được Chủ tịch Hội.

6. Đình chỉ công tác và cho phép công tác trở lại đối với Chủ tịch, Phó Chủ tịch:

a) Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội bị đình chỉ trong các trường hợp: bị tạm giam, tạm giữ để điều tra xét xử theo quy định của pháp luật; vi phạm nghiêm trọng Điều lệ, quy chế, quy định của Hội.

b) Ban Chấp hành Hội quy định cụ thể hành vi vi phạm, thẩm quyền, trình tự, thủ tục đình chỉ công tác, cho phép công tác trở lại đối với Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội theo Điều lệ Hội.

Điều 18. Tổng Thư ký Hội

1. Tổng Thư ký Hội là người giúp việc cho Chủ tịch Hội, do Ban Chấp hành Hội bầu ra trong số các ủy viên Ban Chấp hành; thường trực giải quyết các công việc của Hội do Chủ tịch Hội phân công và triển khai, điều hành các hoạt động hàng ngày của Hội.

2. Tổng Thư ký Hội có nhiệm vụ:

a) Chuẩn bị nội dung các kỳ sinh hoạt của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ; định kỳ báo cáo Chủ tịch Hội, Ban Chấp hành, Ban Thường vụ về các hoạt động của Hội; lập báo cáo hàng năm, báo cáo nhiệm kỳ của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ; quản lý tài sản, tài chính của Hội theo Quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội do Ban Chấp hành Hội ban hành; chịu trách nhiệm về các hoạt động của Văn phòng Hội trước Chủ tịch Hội, Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền; trực tiếp chỉ đạo Văn phòng Hội và các cơ quan nghiệp vụ khác của Hội;

b) Thực hiện chức năng đối nội và đối ngoại của Hội;

c) Tổ chức thư ký và tổng hợp tài liệu các kỳ Đại hội, các hội nghị Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và hội nghị thường niên của Hội;

d) Giúp việc cho Tổng Thư ký Hội là Chánh Văn phòng Hội và một số nhân viên do Tổng Thư ký đề nghị Chủ tịch Hội xem xét, quyết định.

Điều 19. Văn phòng Hội, các ban chuyên môn, tổ chức có tư cách pháp nhân trực thuộc Hội

1. Văn phòng Hội:

a) Văn phòng Hội là bộ phận giúp việc Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Tổng Thư ký Hội, triển khai các hoạt động của Hội;

b) Giải quyết các công việc hành chính, văn thư, lưu trữ, nghiệp vụ kế toán, giao dịch và công việc hàng ngày theo sự chỉ đạo của Chủ tịch và Tổng Thư ký Hội;

c) Quản lý, bảo vệ và sử dụng tài sản, tài chính của Hội đúng mục đích, hiệu quả, tuân thủ các quy định của Nhà nước và quy chế của Hội;

d) Thực hiện những công việc khác theo yêu cầu của Chủ tịch Hội.

2. Các ban chuyên môn:

a) Căn cứ yêu cầu thực tế công việc, Hội thành lập các ban chuyên môn, chịu trách nhiệm đề xuất, tham mưu cho Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội về hoạt động chuyên môn phù hợp với lĩnh vực Hội hoạt động theo Điều lệ Hội và quy định của pháp luật;

b) Ban Thường vụ quy định cụ thể về nhiệm vụ, nhân sự, quy chế hoạt động của Văn phòng Hội, các ban chuyên môn của Hội theo quy định của Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

3. Tổ chức có tư cách pháp nhân trực thuộc Hội:

a) Ban Thường vụ Hội xem xét, quyết định việc thành lập tổ chức có tư cách pháp nhân trực thuộc Hội theo nghị quyết của Ban Chấp hành để thực hiện các nhiệm vụ, lĩnh vực hoạt động của Hội. Hồ sơ, điều kiện, trình tự, thủ tục thành lập các tổ chức có tư cách pháp nhân trực thuộc Hội thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội;

b) Người đứng đầu tổ chức pháp nhân trực thuộc Hội chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội về mọi hoạt động của pháp nhân trực thuộc Hội theo Điều lệ Hội và quy định của pháp luật;

c) Ban Thường vụ Hội quy định việc thành lập, tổ chức, hoạt động, chức năng, nhiệm vụ của các tổ chức pháp nhân trực thuộc Hội phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Hội;

d) Việc giải thể, sáp nhập, chia, tách; quản lý và hoạt động; bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật chức danh cấp trưởng, cấp phó của tổ chức có tư cách pháp nhân trực thuộc Hội thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Chương V

ĐỔI TÊN, CHIA, TÁCH, SÁP NHẬP, HỢP NHẤT VÀ GIẢI THỂ HỘI

Điều 20. Đổi tên, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất và giải thể Hội

1. Việc đổi tên, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất và giải thể Hội thực hiện theo quy định của Bộ luật Dân sự, quy định của pháp luật về hội, nghị quyết Ban Chấp hành Hội và các quy định pháp luật có liên quan.

2. Khi chia, tách; sáp nhập; hợp nhất; giải thể phải tiến hành kiểm kê tài sản, tài chính của Hội chính xác, đầy đủ, công khai, minh bạch và thực hiện thủ tục theo quy định của pháp luật.

3. Thu hồi con dấu của Hội: Việc thu hồi con dấu đối với Hội đổi tên, Hội bị chia, sáp nhập, hợp nhất, bị đình chỉ hoạt động có thời hạn, giải thể được thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng con dấu và các quy định của pháp luật có liên quan.

Chương VI

TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN

Điều 21. Tài chính, tài sản của Hội

1. Tài chính của Hội:

a) Nguồn thu của Hội:

- Phí gia nhập Hội, hội phí hàng năm của hội viên;
- Thu từ các hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật;
- Tiền tài trợ, ủng hộ của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật;

- Ngân sách nhà nước hỗ trợ (nếu có) cho các nhiệm vụ Đảng, Nhà nước giao theo quy định của pháp luật;

- Các khoản thu hợp pháp khác.

b) Các khoản chi của Hội:

- Chi hoạt động thực hiện nhiệm vụ của Hội;
- Chi thực hiện nhiệm vụ Đảng, Nhà nước giao (nếu có);
- Chi thuê trụ sở, mua sắm thiết bị, phương tiện làm việc;
- Chi thực hiện chế độ, chính sách đối với những người làm việc tại Hội theo quy định của Ban Chấp hành Hội phù hợp với quy định của pháp luật;
- Chi khen thưởng và các khoản chi khác theo quy định của Ban Chấp hành;

2. Tài sản của Hội:

a) Tài sản của Hội bao gồm trụ sở, trang thiết bị, phương tiện phục vụ hoạt động của Hội và các tài sản hợp pháp khác theo quy định của pháp luật. Tài sản của Hội được hình thành từ nguồn kinh phí của Hội do các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước hiến, tặng theo quy định của pháp luật;

b) Việc quản lý, sử dụng tài sản của Hội thực hiện theo quy định của pháp luật dân sự, pháp luật về tài sản, tài chính, kế toán và Điều lệ của Hội. Đối với tài sản công thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công;

c) Khi hội chia tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể thì hội kiểm kê, phân loại tài sản để xác định việc xử lý tài sản:

- Đối với tài sản của Hội là tài sản công thì việc quản lý, sử dụng, xử lý thực hiện theo quy định của pháp luật về tài sản công;

- Đối với tài sản của Hội được hình thành từ nguồn tự có của Hội thì việc quản lý, sử dụng và xử lý được thực hiện theo quy định của pháp luật về dân sự, pháp luật có liên quan và Điều lệ của Hội.

Điều 22. Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội

1. Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội:

a) Tài chính, tài sản của Hội chỉ được sử dụng cho các hoạt động của Hội;

b) Tài chính, tài sản của Hội khi chia, tách; sáp nhập; hợp nhất, đình chỉ hoạt động có thời hạn và giải thể được giải quyết theo quy định của pháp luật về hội và pháp luật có liên quan.

c) Ban Chấp hành Hội ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, tiết kiệm phù hợp với quy định của pháp luật về tài chính, kế toán, về quản lý, sử dụng tài sản công và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

2. Thực hiện công tác kế toán, kiểm toán, thống kê:

a) Hội phải tổ chức công tác kế toán, thống kê theo đúng quy định của Luật Kế toán, Luật Thống kê và các văn bản hướng dẫn thực hiện, cụ thể:

- Chấp hành các quy định về chứng từ kế toán; hạch toán kế toán và các nghiệp vụ kinh tế, tài chính, tài sản có liên quan đến Hội;

- Mở sổ kế toán ghi chép và lưu trữ các nghiệp vụ kinh tế, tài chính, tài sản có liên quan đến Hội (phản ánh, theo dõi chi tiết số thu, chi tiền, hiện vật do các tổ chức, cá nhân đóng góp, viện trợ, tài trợ và các khoản thu, chi khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội);

- Lập đầy đủ, đúng hạn các báo cáo tài chính, quyết toán năm gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép thành lập Hội và cơ quan tài chính cùng cấp với cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép thành lập Hội hoặc cơ quan tài chính của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép thành lập Hội;

- Lập đầy đủ hồ sơ tài liệu chứng từ khác có liên quan theo quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền.

b) Chịu sự thanh tra, kiểm tra, kiểm toán về việc thu, chi, quản lý và sử dụng tài chính, tài sản của cơ quan tài chính cùng cấp với cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép thành lập hội hoặc cơ quan tài chính của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép thành lập hội và cơ quan kiểm toán có thẩm quyền;

c) Cung cấp các thông tin cần thiết gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi có yêu cầu theo quy định của pháp luật.

3. Giải quyết tài sản, tài chính khi Hội chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, đình chỉ hoạt động có thời hạn và giải thể Hội thực hiện theo Điều 36 Nghị định số 126/2024/NĐ-CP ngày 08/10/2024 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội.

Chương VI

KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT

Điều 23. Khen thưởng

1. Tổ chức, đơn vị thuộc Hội, hội viên có thành tích xuất sắc được Hội khen thưởng theo Điều lệ Hội hoặc được Hội đề nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền khen thưởng theo quy định của pháp luật.

2. Ban Chấp hành Hội ban hành Quy chế khen thưởng quy định cụ thể hình thức, thẩm quyền, thủ tục khen thưởng trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Điều 24. Kỷ luật

1. Tổ chức thuộc Hội, hội viên vi phạm pháp luật; vi phạm Điều lệ, quy định, quy chế hoạt động của Hội thì bị xem xét, thi hành kỷ luật bằng các hình thức: Khiển trách, cảnh cáo, khai trừ ra khỏi Hội tùy theo mức độ vi phạm.

Trường hợp gây thiệt hại về vật chất thì phải bồi thường và chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

2. Ban Chấp hành Hội ban hành Quy chế kỷ luật quy định cụ thể thẩm quyền, quy trình xem xét kỷ luật trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật, Điều lệ Hội.

Điều 25. Khiếu nại, giải quyết khiếu nại trong nội bộ Hội

1. Hội viên khiếu nại Hội về hình thức kỷ luật tại Điều 24 phải đảm bảo thực hiện đúng trình tự theo Điều lệ Hội và phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Ban Chấp hành Hội quy định cụ thể hình thức, thẩm quyền, thủ tục xem xét khiếu nại, giải quyết khiếu nại trong nội bộ Hội theo Điều lệ Hội và phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Hội chịu trách nhiệm hòa giải tranh chấp, giải quyết phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo trong nội bộ Hội và liên quan đến Hội, tổ chức pháp nhân trực thuộc Hội, hội viên của Hội theo quy định của pháp luật, Điều lệ Hội; báo cáo kết quả xác minh, giải quyết với cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Chương VIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 26. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội Kỹ thuật nổ mìn Việt Nam được Đại hội thông qua khi có ít nhất 2/3 (hai phần ba) tổng số đại biểu chính thức tán thành.

2. Điều lệ Hội phải được Hội hoàn thiện đảm bảo phù hợp theo quy định của pháp luật và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép thành lập Hội phê duyệt.

Điều 27. Hiệu lực thi hành

1. Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) Hội Kỹ thuật nổ mìn Việt Nam gồm 8 Chương, 27 Điều đã được Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II (nhiệm kỳ 2024 - 2029) của Hội Kỹ thuật nổ mìn Việt Nam thông qua ngày 11 tháng 8 năm 2024 tại Hà Nội và có hiệu lực thi hành theo Quyết định phê duyệt của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

2. Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) này thay thế Điều lệ Hội 2011 đã được phê duyệt kèm theo Quyết định số 817/QĐ-BNV ngày 30/3/2011 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

3. Căn cứ quy định pháp luật về hội và Điều lệ Hội, Ban Chấp hành Hội Kỹ thuật nổ mìn Việt Nam có trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thực hiện Điều lệ này./.